

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VT
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-7-2022

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VT, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- Th ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Th ký Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1982.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1983 (tên cũ: Phạm Thị Thùy Th)

Cùng địa chỉ: đường ĐC, Phường B, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Trần Minh Đ trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Th (tên cũ: Phạm Thị Thùy Th) có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào ngày 26-12-2006 tại UBND Phường B, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc kết hôn, chung sống là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Gia đình hai bên đều biết và đồng ý, có tổ chức lễ cưới. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau.

Cuộc sống êm ấm, hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm. Bắt đầu từ năm 2020 đến nay thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2022 đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay, ông xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phạm Minh Th, sinh ngày 20/7/2007. Hiện tại cháu Th đang ở với bà Th, khi ly hôn ông nhường quyền nuôi con cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho cháu Th là 10.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, bà Th không yêu cầu ông cấp dưỡng cho cháu Th nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị Th (tên cũ: Phạm Thị Thùy Th) trình bày:

Bà xác nhận là điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông Đ trình bày.

Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một thời gian dài. Tuy nhiên, từ cuối năm 2021 ông Đ ngoại tình nên vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau. Ông Đ đã chuyển ra ngoài ở riêng từ ngày 15/02/2022 và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Bà cũng xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tuy nhiên, bà muốn con bà có một cuộc sống đầy đủ cả cha và mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà xác nhận có một con chung như ông Đ trình bày. Trong trường hợp bắt buộc phải ly hôn bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Ông Trần Minh Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Th ký, hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định pháp luật. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn luật định. Việc chấp hành Pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Trần Minh Đ yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Th có địa chỉ cư trú tại thành phố VT. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố VT theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị Th được Tòa án tổng Đ hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh Đ và bà Phạm Thị Th có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tố tụng, cả ông Đ và bà Th đều xác định không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2022 đến nay. Theo ông Đ trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Theo bà Th, cuộc sống vợ chồng bà không hạnh phúc do ông Đ có người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, không hợp nhau.

Theo kết quả xác minh: chính quyền địa phương không nắm được vợ chồng ông Đ, bà Th có mâu thuẫn hay không vì không nghe thấy có báo cáo gì. Chỉ thấy có một mình bà Th sinh sống tại nhà ở địa chỉ đường ĐC, Phường B, thành phố VT.

Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, tạo điều kiện cho ông Đ và bà Th giải quyết mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Trong suốt quá trình tố tụng ông Đ cương quyết xin ly hôn với bà Th, điều đó thể hiện khả năng hàn gắn tính cảm vợ chồng là rất khó khăn. Hơn nữa, hiện nay ông Đ và bà Th đang sống ly thân nhau. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật hôn nhân gia đình thì “*vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Vì vậy, có thể xác định được hôn nhân của ông Đ và bà Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên yêu cầu xin ly hôn của ông Đ là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh Đ.

[2.2] Về con chung: Ông Trần Minh Đ và bà Phạm Thị Th có 01 con chung tên Trần Phạm Minh Th, sinh ngày 20/7/2007. Ông Đ và bà Th thống nhất trong trường hợp ly hôn, giao cháu Th cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Th có nguyện vọng được ở với bà Th khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, giao cháu Th cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: các bên không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Trần Minh Đ phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh Đ.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Minh Đ ly hôn với bà Phạm Thị Th (tên cũ: Phạm Thị Thùy Th).

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phạm Minh Th, sinh ngày 20/7/2007 cho bà Phạm Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Ông Trần Minh Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Minh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002058 ngày 06/4/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Ông Đ đã nộp xong án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND t. Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tp. VT;
- Chi cục THADS tp. VT;
- UBND P.7, tp. VT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Thanh

